

Bản án số: 121/2023/HNGĐ-ST

Ngày 08 - 9 - 2023

*“V/v không công nhận quan hệ vợ chồng
giữa ông T và bà Th”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Thung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Minh Huệ;

Ông Phạm Kim An.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tùng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên toà: Ông Đặng Xuân Tự - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 104/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” Tho Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 33/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1958; địa chỉ: Số 2, ngõ 235, tổ 2 L, phường LH, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định;

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1958; địa chỉ: Xóm 13, xã XH, huyện XT, tỉnh Nam Định.

(Ông T và bà Th đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tho đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông và bà Phạm Thị Th có quen biết nhau và tự nguyện tìm hiểu, giữa hai bên phát sinh tình cảm và tổ chức đám cưới tại địa phương vào cuối năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền vì khi tổ chức đám cưới thì bà Th đang có bầu. Ông và bà Th chung sống với nhau đến năm 2000 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hoà hợp được nên ông đã sống ly thân với bà Th. Nay ông xác định mâu thuẫn vợ chồng đã T trọng không có cách giải quyết, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn bà Phạm Thị Th.

Về con chung: Ông và bà Th có 02 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 24/02/1993 và Nguyễn Văn S, sinh ngày 15/01/2000. Hiện nay các con đã lớn và trưởng thành nên ông không đề nghị Toà án xem xét, giải quyết.

Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Ông không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại các lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Phạm Thị Th trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu và có tổ chức lễ cưới và đám cưới Tho phong tục địa phương, ông bà không lên xã đăng ký kết hôn nhưng có đơn xin đăng ký kết hôn do anh trai ông T ký. Bà và ông T chung sống với nhau từ cuối năm 1992 đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T tự bỏ nhà đi, không quan tâm đến vợ con và có quan hệ với người phụ nữ khác. Nay ông T làm đơn xin ly hôn bà thì bà không nhất trí, bà muốn ông T quay về đoàn tụ để cùng nhau dạy dỗ con cái, trông nom cháu chắt.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 24/02/1993 và Nguyễn Văn S, sinh ngày 15/01/2000. Nay các con đã lớn và trưởng thành nên bà không đề nghị Toà án xem xét, giải quyết.

Về tài sản, nghĩa vụ tài sản: Bà và ông T không có liên quan gì đến kinh tế nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân Tho pháp luật tố tụng: Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đều đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn chưa chấp hành đúng nghĩa vụ tham gia tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000, đề nghị xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Th.

Ông Nguyễn Văn T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm Tho quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Th. Hội đồng xét xử xét thấy ông T và bà Th đã có đủ điều kiện kết hôn Tho quy định của pháp luật nhưng trong quá trình chung sống ông T và bà Th đã không thực hiện việc đăng ký kết hôn. Tho quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000; Thông tư liên tịch số 01/2001/TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001: "... nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận

họ là vợ chồng”. Ông T và bà Th đã có thời gian chung sống với nhau như vợ chồng nhưng đến nay không đăng ký kết hôn nên Toà án tuyên bố không công nhận ông T và bà Th là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và Phạm Thị Th có hai con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 24/02/1993 và Nguyễn Văn S, sinh ngày 15/01/2000. Đến nay cháu T và cháu S đã trưởng thành, đi làm có thu nhập, tự lao động được nên không ai phải nuôi dưỡng cũng hoàn toàn phù hợp với việc xác minh thu thập chứng cứ tại Ủy ban nhân dân xã XH. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn, ông Nguyễn Văn T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm Theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Th;

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ ông T đã nộp Theo biên lai thu số 0003286 ngày 17/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường; ông T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án Theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện Theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã XH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thung